

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2020

## ĐỀ ÁN

### *Sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập do Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam quản lý vào mục đích cho thuê*

#### I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

##### 1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư số 144/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017;
- Quyết định số 689/TTg, ngày 24/10/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam;
- Quyết định số 143/QĐ-KHXH, ngày 05/02/2018 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam;
- Quyết định số 1549/QĐ-KHXH, ngày 22/08/2018 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam;

- Quyết định số 233/QĐ KHXXH ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc xây dựng Quy chế Quản lý và sử dụng tài sản công;

- Quy chế chi tiêu nội của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

## **1. Cơ sở thực tiễn**

### **2.1 Chức năng**

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Viện Hàn lâm), thực hiện chức năng nghiên cứu khoa học và các hoạt động nghiệp vụ bảo tàng nhằm giới thiệu, phổ biến, giáo dục về những giá trị lịch sử, văn hóa của các dân tộc ở trong nước và nước ngoài; cung cấp tư liệu, luận cứ khoa học về các dân tộc cho các cơ quan quản lý nhà nước; tham gia đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về nhân học, bảo tàng cho đất nước.

Bảo tàng có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng; được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

### **2.2 Nhiệm vụ và quyền hạn**

- Trình Chủ tịch Viện Hàn lâm chiến lược, quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm về phát triển của Bảo tàng và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

- Nghiên cứu cơ bản, chuyên sâu, thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu lý luận và thực tiễn về các dân tộc;

- Nghiên cứu, điều tra, sưu tầm, lưu giữ các hiện vật và tư liệu về văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc ở Việt Nam và nước ngoài; tổ chức bảo quản và phục chế những hiện vật sưu tầm cùng các tư liệu khác;

- Tổ chức trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa của các dân tộc trong nước và nước ngoài; các hoạt động giáo dục, công chúng, truyền bá các di sản văn hóa Việt Nam và thế giới nhằm nâng cao nhận thức của người dân về văn hóa và chính sách văn hóa của Đảng và Nhà nước;

- Kết hợp nghiên cứu với đào tạo trong lĩnh vực nhân học bảo tàng; tham gia đào tạo đại học, sau đại học, phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao theo yêu cầu của Viện Hàn lâm và theo đề nghị của các tổ chức, cơ quan khác;

- Tham gia góp ý và phản biện khoa học các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo sự phân công của Viện Hàn lâm;

- Tổ chức tư vấn khoa học và thực hiện cung cấp dịch vụ công về những vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, đào tạo, các dịch vụ phục vụ nhu cầu của khách tham quan phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bảo tàng;

- Hợp tác quốc tế về nghiên cứu, đào tạo nghiệp vụ, trưng bày và trao đổi trưng bày theo quy định hiện hành;

- Trao đổi thông tin khoa học với các tổ chức, cơ quan trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; quản lý tư liệu, thư viện của Bảo tàng; xuất bản các ấn phẩm khoa học và văn hóa; phổ biến, quảng bá các kết quả nghiên cứu, các kiến thức khoa học và văn hóa tới quảng đại quần chúng dưới các hình thức trưng bày, trình diễn, băng, đĩa, âm thanh, hình ảnh...;

- Quản lý về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong đơn vị; tài sản và kinh phí của Bảo tàng theo quy định của Nhà nước và theo sự phân cấp quản lý của Viện Hàn lâm;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Viện Hàn lâm.

### ***2.3 Cơ cấu tổ chức***

Đến năm 2020, tổng số công chức, viên chức, người lao động của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam có 77 người, trong đó công chức, viên chức trong biên chế 35 người, 07 lao động hợp đồng 68/2000 ND - CP; 36 hợp đồng lao động đơn vị tự trả lương. Trong đó, công chức, viên chức có học hàm, học vị là: 04 PGS.TS, 12 tiến sỹ, Thạc sỹ, 31 Thạc sỹ, 18 cử nhân, khác 12.

- Ban Giám đốc: 03 công chức;

- Phòng Nghiên cứu – Suu tầm: 07 viên chức;

- Phòng Kiểm kê Bảo quản: 04 viên chức và 05 hợp đồng;
- Phòng Giáo dục: 03 viên chức, 10 hợp đồng;
- Phòng Bảo tàng ngoài trời: (03 viên chức, 06 hợp đồng);
- Phòng Phim - âm nhạc dân tộc: 02 viên chức, 02 hợp đồng;
- Trung bày truyền thông và công chúng: 02 viên chức, 04 hợp đồng;
- Phòng Tổ chức - Hành chính: 05 viên chức, 07 hợp đồng 68, 08 hợp đồng;
- Phòng Thư viện, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế: 03 viên chức;
- Phòng Biên tập - Trị sự: 03 viên chức.

## ***2.4 Kết quả thực hiện trong các năm qua và kế hoạch thực hiện những năm tiếp theo***

### ***2.4.1 Kết quả thực hiện***

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam là một cơ quan nghiên cứu và phục vụ công chúng với nhiệm vụ bảo tồn và giới thiệu sự đa dạng văn hóa của các dân tộc ở Việt Nam, được thành lập năm 1995 và chính thức mở cửa đón công chúng năm 1997. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, từ tòa Trống đồng giới thiệu 54 dân tộc Việt Nam, đã từng bước hoàn thiện khu Vườn kiến trúc với 10 công trình dân gian đại diện cho các loại hình khác nhau của nhiều dân tộc và vùng văn hóa. Không chỉ dừng lại ở giới thiệu về Việt Nam, Bảo tàng xây dựng tòa Cánh diều, trưng bày kết nối với các tộc người ở Đông Nam Á. Và xa hơn thế, các trưng bày vươn ra châu Á, châu Đại Dương, châu Phi và Mỹ Latin, nhờ những sưu tập hiện vật được tặng.

Sau hơn 20 năm đi vào hoạt động, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã đạt được một số mục tiêu cụ thể sau:

*Thứ nhất*, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam thực sự đóng vai trò một trung tâm lưu giữ, bảo tồn các yếu tố văn hoá vật thể và phi vật thể của các dân tộc.

Tính đến năm 2019, Bảo tàng đã sưu tầm và đang bảo quản khoảng 30.000 hiện vật, bao gồm hơn 24.000 hiện vật về 54 dân tộc ở Việt Nam, gần 2.200 hiện vật về các cư dân Đông Nam Á và gần 1.500 hiện vật về các cư dân khác trên thế giới.

Bên cạnh đó, Bảo tàng có khối lượng lớn tư liệu nghe - nhìn, với khoảng 130.000 ảnh, trong đó có khoảng 5.000 ảnh về các cư dân Đông Nam Á; hơn 2.200 băng ghi hình, hơn 400 đĩa ghi hình, hơn 570 băng ghi âm, hơn 70 đĩa âm thanh... Nguồn hiện vật và tư liệu này rất giá trị và vô cùng quan trọng. Đó là cơ sở thiết yếu để phục vụ lâu dài cho những hoạt động khác nhau của Bảo tàng, góp phần tích cực vào sự nghiệp bảo tồn, phát huy di sản văn hoá của các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, mà ý nghĩa lớn lao cũng như tầm quan trọng chiến lược của nó được Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng, đề cao. Đồng thời, đó cũng là điều kiện tiên quyết ban đầu để Bảo tàng mở ra hoạt động giới thiệu về các cư dân trên thế giới, trước hết tập trung vào khu vực Đông Nam Á. Các loại tư liệu và hiện vật đưa về Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam được trân trọng và bảo quản một cách cẩn thận, khoa học trong điều kiện tốt nhất của Bảo tàng.

*Thứ hai*, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam là một cơ sở nghiên cứu về các dân tộc và văn hoá các dân tộc.

Ở Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, công tác nghiên cứu khoa học thực ra bao gồm hai lĩnh vực chính: dân tộc học và bảo tàng học. Hàng loạt kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, như: *Dân tộc học*, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, *Văn hoá dân gian*, *Bảo tàng & Nhân học*..., hay trong 7 tập sách *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*.

Bên cạnh đó, tập thể Bảo tàng và những cán bộ nghiên cứu của Bảo tàng đã cho ra đời hàng loạt ấn phẩm có giá trị, nhiều ấn phẩm được in bằng 3 ngữ: Việt, Anh, Pháp. *Nhà ở của người Chăm Ninh Thuận - Truyền thống và biến đổi* (2011), *Trang phục của người Lào ở Tây Bắc Việt Nam* (2012), *Bảo tàng và di sản văn hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu* (2013), *Vườn Kiến trúc (bản tiếng Pháp)* (2013), *Cư dân thủy cư ở sông Hương và đầm phá Tam Giang-Cầu Hai* (2013), *Góp phần tìm hiểu Trường Sơn – Tây Nguyên* (2014), *Để có một bảo tàng sống động: Quan niệm và phương thức hoạt động ở Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam* (2017), *Trò chơi dân gian một số dân tộc Việt Nam* (2017),... Ngoài ra, nhiều cán bộ của Bảo tàng còn tham gia trong những công trình xuất bản được đánh giá cao, như: *Biến đổi văn hóa*

*tinh thần của người Hmông di cư ở Đắc Lắc (2017), Người Thái ở miền Tây Nghệ An (2017), Đồ chơi dân gian trẻ em vùng châu thổ sông Hồng (2017), Tục lệ hôn nhân của người Hmông (2017), Tri thức dân gian trong chăm sóc sức khỏe của người Thái ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An (2017)...*

Lực lượng cán bộ khoa học của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam cũng tích cực tham gia nhiều cuộc hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước, như: *Bảo tàng với di sản văn hoá ở lưu vực sông Mê Công và sông Hằng trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu* (Huế, 2012), *Việt Nam học* (Hà Nội, 2012, 2016), *Bảo tàng – Cộng đồng: Quan niệm và cách tiếp cận* (Hà Nội, 2015), *Mở rộng các ranh giới: Tính dân tộc, tính vật chất và tính thiêng* (Hà Nội, 2017) ...

Qua các hoạt động nghiên cứu khoa học như vậy, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã có những đóng góp khoa học đáng kể về nhiều phương diện: thực tiễn, lý luận; chuyên ngành Dân tộc học, chuyên ngành Bảo tàng học; công tác dân tộc, công tác văn hoá. Tác dụng của những đóng góp đó không chỉ giới hạn trong nước, mà với một số trường hợp và ở chừng mực nhất định, còn rộng ra cả trong giới khoa học quốc tế liên quan nữa.

*Thứ ba*, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam là một trung tâm giới thiệu, phổ cập tri thức và giáo dục rộng rãi về các dân tộc và văn hoá các dân tộc.

Trên thực tế, chỉ ít năm sau khi mở cửa đón du khách, Bảo tàng đã tự khẳng định và được công nhận là một địa chỉ văn hoá được nhiều công chúng và du khách yêu thích, bởi họ có thể tìm thấy ở đây nhiều hiểu biết bổ ích, nhiều điều mới mẻ hấp dẫn. Nhiều cuốn sách hướng dẫn du lịch có uy tín trên thế giới đều giới thiệu Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, như cuốn *Lonely Planer Guide to Hanoi* đã viết từ năm 1999: "Đến Hà Nội, Việt Nam, không thể không đến thăm VME, một bảo tàng có uy tín nhất hiện nay"<sup>1</sup>.

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam có sức thu hút mạnh đối với công chúng và tạo được hiệu quả xã hội rộng lớn. Kể từ khi bắt đầu mở cửa cho đến nay, số lượng khách

---

<sup>1</sup>- *Lonely Planer Guide to Hanoi*, 1999, N. Ray, tr. 102. VME là viết tắt từ tên tiếng Anh của Bảo tàng DTHVN (Vietnam Museum of Ethnology).

tham quan không ngừng tăng. Trong những năm gần đây, mỗi năm Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đón gần nửa triệu lượt khách tham quan. Đã có khách từ khoảng 80 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới tới thăm Bảo tàng. Năm 2012 và 2013, dựa vào bình chọn của du khách, trang web TripAdvisor đã hai lần liên tiếp cấp cho Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam chứng chỉ Excellence – Xuất sắc, với mức đạt 4,5 “sao” (cao nhất là 5 “sao”), và năm 2013 được TripAdvisor xếp vị trí số 1 trong 67 điểm tham quan hấp dẫn ở Hà Nội, vị trí thứ 6 và năm 2014 xếp vị trí thứ 4 trong số 25 bảo tàng hấp dẫn nhất châu Á.

*Thứ tư*, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam tích cực tiếp cận những quan niệm mới về bảo tàng, thành công trong việc đột phá, tiên phong thực hiện đổi mới hoạt động bảo tàng, và đây là những đóng góp xuất sắc trong lĩnh vực công tác bảo tàng ở Việt Nam.

Trong khi hầu hết các bảo tàng ở Việt Nam bị sa vào tình trạng bất cập, lỗi thời và lúng túng trong lối mòn hoạt động xơ cứng, đơn điệu, trì trệ, nên không thu hút được khách tham quan, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam ngay trong thời kỳ đầu phục vụ công chúng đã liên tiếp tìm tòi và có nhiều sáng tạo để thoát được khỏi nguy cơ trầm trọng đó. Cùng với các phần trưng bày thường xuyên, Bảo tàng quan tâm tổ chức những cuộc trưng bày chuyên đề để luôn tạo ra cái mới, tạo ra sự thay đổi bộ phận, giúp du khách luôn thu nhận những thông tin mới, tránh cảm thấy nhàm chán khi trở lại tham quan Bảo tàng. Trong giai đoạn 2016 - 2019, Bảo tàng đã tổ chức và phối hợp tổ chức các trưng bày chuyên đề: Canning - Huyền thoại một con đường (2016), Di sản vô giá (2017), Raffaello: Các tác phẩm (2017), Voi ở Tây Nguyên (2017), Thần linh, Tổ tiên và Thầy cúng: Người Bru-Vân Kiều ở dãy Trường Sơn (2018), Hồi sinh: Mặt nạ vùng Eo biển Torres (2018), Khám phá đa dạng côn trùng Việt Nam (2019).

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu hiện vật và ảnh tư liệu của bảo tàng: hệ thống CSDL của bảo tàng được đưa vào vận hành từ năm 2010. Cho đến nay đã có 22.000 hiện vật/tổng số 30.000 hiện vật trong kho của Bảo tàng đã được nhập vào CSDL; hơn 56.000 ảnh/tổng số 80.000 ảnh tư liệu của Bảo tàng đã được nhập vào CSDL.

Việc xây dựng CSDL hiện vật và ảnh tư liệu giúp cho việc tra cứu thông tin nhanh chóng hơn cách thức truyền thống là trực tiếp vào kho để tìm hiểu thông tin; đồng thời giúp việc quản lý hiện vật và ảnh tư liệu dễ dàng hơn và thuận tiện hơn.

Trong suốt hành trình hơn 20 năm, cùng với các trưng bày thường xuyên đó là hàng loạt các trưng bày nhất thời, những hoạt động trình diễn văn hóa phi vật thể, các chương trình hoạt động giáo dục trải nghiệm... đã làm cho Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam sống động và trở thành một điểm tham quan thu hút đông đảo du khách trong nước và quốc tế, được công chúng mến mộ. Có thể nói, để đạt được các kết quả đó, trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam luôn hướng theo các quan niệm, tiếp cận phương thức hoạt động mới, với sự hỗ trợ có hiệu quả của nhiều chuyên gia và tổ chức quốc tế, đặc biệt là của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

#### *2.4.2 Mục tiêu trong các năm tiếp theo*

##### *\* Mục tiêu chung*

Với quan điểm có tính xuyên suốt của Bảo tàng là phát triển bền vững và toàn diện, trên cơ sở không ngừng nâng cao chất lượng các sản phẩm và tính chuyên nghiệp trong các hoạt động của Bảo tàng, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam thực hiện mục tiêu vừa xây dựng Bảo tàng trở thành một bảo tàng hiện đại, tiên tiến, vừa xây dựng Bảo tàng thành một điểm nhấn tiêu biểu về văn hóa của thủ đô Hà Nội, phục vụ nhu cầu tham quan, nghiên cứu của công chúng Việt Nam và du khách quốc tế về các dân tộc.

Do vậy, Bảo tàng cần tiến hành tổ chức, sắp xếp, quy hoạch toàn bộ và bố trí sử dụng tài sản công, khai thác tài sản công dôi dư để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động công lập, nâng cao chất lượng phục vụ công chúng trong và ngoài nước.

##### *\* Mục tiêu cụ thể*

Kế hoạch đến năm 2030, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam sẽ thực hiện được các mục tiêu như sau:



*a. Xây dựng các sưu tập hiện vật về Việt Nam và thế giới*

- Xây dựng dự án sưu tầm hiện vật về các dân tộc Việt Nam trình Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Bộ Tài chính để có thể triển khai vào những năm tới. Trong dự án này, ưu tiên sưu tầm về những dân tộc mà ở Bảo tàng có từ 100 hiện vật trở xuống, đồng thời cũng ưu tiên sưu tầm về người Việt, hiện vật về biển đảo, hiện vật liên quan đến đô thị, đương đại.

- Rà soát lại dự án sưu tầm hiện vật các dân tộc Đông Nam Á.

Đây là cơ sở quan trọng để Bảo tàng tổ chức lại trưng bày thường xuyên và triển khai các trưng bày chuyên đề (nhất thời) về các dân tộc Việt Nam và các dân tộc ở Đông Nam Á.

*b. Nâng cấp và chuẩn bị cơ sở tiến tới xây dựng mới tòa Trống đồng và tổ chức lại trưng bày về các dân tộc Việt Nam*

Sau khi lắp đặt thang máy mới, trong giai đoạn 2020-2030, ngoài việc lát lại sân trước tòa nhà bằng đá tự nhiên chống trơn, sửa chữa tòa nhà, sửa chữa hội trường, cần đầu tư hệ thống chiếu sáng trưng bày mới, hiện đại, thiết kế và sản xuất tủ bục, giá kệ mới để thay thế, thiết kế lại hệ thống đồ họa trưng bày, thay thế một số hiện vật, ứng dụng công nghệ 3D, 4D để làm mới không gian trưng bày Các dân tộc Việt Nam.

*c. Nâng cấp khu bảo tàng ngoài trời*

Cùng với việc ưu tiên chăm sóc, tu sửa các công trình kiến trúc dân gian định kỳ hằng năm, quy hoạch lại vườn sinh cảnh, Bảo tàng cần làm lại hệ thống thoát nước thật đồng bộ, nâng cao mặt đường, làm lại hệ thống tường bao cao ngăn cách với nhà dân, thiết kế lại hệ thống pa nô, trang bị chiếu sáng trong các ngôi nhà, bổ sung camera đồng thời tổ chức hoạt động để khai thác, phát huy hợp lý, hiệu quả khu trưng bày có giá trị này.

*d. Hoàn thiện tòa Cánh diều*

Tòa nhà được khánh thành và đưa vào phục vụ công chúng từ cuối năm 2013, tuy nhiên qua mấy năm hoạt động đã bộc lộ nhiều bất cập, hệ thống điều hòa hư

hông, thang máy chất lượng hạn chế thường xuyên phải sửa chữa, mái nhà và các tầng khu vệ sinh thấm dột ảnh hưởng đến kho bảo quản, hiện vật trưng bày và khách tham quan. Do đó cần sớm đầu tư sửa chữa cơ bản hệ thống thang máy, hệ thống điều hòa, chống thấm dột mái nhà, định kì bảo dưỡng hệ thống kính cửa tòa nhà và xây dựng trạm phát điện dự phòng cho tòa nhà này.

*e. Xây dựng hệ thống dịch vụ hiện đại và tiện ích phục vụ cho sự phát triển của Bảo tàng*

Xây dựng nội dung hoạt động để vận hành có hiệu quả phòng khám và phòng Âm thanh - Hình ảnh, vận hành phòng chiếu phim, khai thác các dịch vụ buổi tối ngoài trời trong khuôn viên của Bảo tàng và tạo ra các sản phẩm souvenir mang màu sắc riêng của bảo tàng phục vụ khách du lịch.

*f. Xây dựng nguồn nhân lực*

Nhân lực của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam sẽ ổn định ở mức 90 người vào khoảng năm 2030. Nhưng yêu cầu về chất lượng đối với đội ngũ này là vấn đề có tính trọng tâm, nhằm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao. Đặc biệt, Bảo tàng cần có đội ngũ chuyên gia đa dạng, bao gồm những chuyên gia theo các chất liệu hiện vật, các sưu tập hiện vật, các lĩnh vực văn hóa tộc người, nhóm ngôn ngữ tộc người, khu vực, quốc gia. Do đó, việc chuẩn hóa cán bộ cần được chú trọng đặc biệt, từ khâu đầu vào cho đến quá trình sàng lọc về sau, coi trọng trên hết các yếu tố khả năng, năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, theo yêu cầu công việc cụ thể của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

Bảo tàng cũng cần chú trọng công tác đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn - nghiệp vụ, thực hiện theo hai hướng chính: thứ nhất, tranh thủ những lớp tập huấn ở trong hay ngoài nước, có các chuyên gia quốc tế giảng dạy; thứ hai, khuyến khích cán bộ trẻ tìm cơ hội đi tu nghiệp và học tập ở nước ngoài.

*g. Đổi mới các hoạt động Bảo tàng*

Tăng cường các trưng bày chuyên đề (trưng bày nhất thời) về các dân tộc Việt Nam, quan tâm đến văn hóa đô thị, đương đại, văn hóa biển đảo và văn hóa các dân

tộc ngoài Việt Nam. Đổi mới hoạt động trình diễn văn hóa phi vật thể để thu hút công chúng tham quan.

Xây dựng các chương trình giáo dục gắn với trưng bày thường xuyên và trưng bày chuyên đề của Bảo tàng. Ngoài việc giới thiệu tờ rơi mới bằng các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Trung, Nhật, Hàn, Đức, Tây Ban Nha, Bảo tàng cần ứng dụng công nghệ 4.0 để đa dạng hóa việc giới thiệu và quảng bá hoạt động bảo tàng đến công chúng.

Việc nâng cao chất lượng phục vụ, quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản công, khai thác tài sản công trong đó có tài sản công chưa sử dụng hết công suất của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam góp phần không nhỏ trong việc thực hiện các mục tiêu cụ thể nói trên của Bảo tàng.

## II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

### 1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị

#### 1.1 Hiện trạng về nhà đất Bảo tàng đang được giao quản lý sử dụng

Khuôn viên Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam được Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam quản lý và sử dụng. Giấy chứng nhận quyền quản lý sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước (tại các cơ quan hành chính sự nghiệp) số 181 ngày 24/11/2004 (Sau đây gọi là GCN QSDĐ). Toàn bộ diện tích đang được sử dụng làm trụ sở làm việc, thực hiện nhiệm vụ của bảo tàng, nơi trưng bày, nghiên cứu khoa học, kho lưu trữ... của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

+) Hiện trạng sử dụng đất:

Tổng diện tích khuôn viên đất đang quản lý, sử dụng: 43.799 m<sup>2</sup>.

Trong đó:

| Nhà đất thuộc trụ sở làm việc (Theo GCN QSDĐ)      |                              |
|--|------------------------------|
| 1. Về nhà  | 2. Về đất                    |
| Tổng số ngôi nhà: 10 cái                           | - Thửa đất số: .....         |
| Trong đó nhà 2 tầng trở lên: 2 cái                 | - Tờ bản đồ số:.....         |
| - Tổng diện tích xây dựng: 15.834,81m <sup>2</sup> | - Tổng diện tích khuôn viên: |

|  |   |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng diện tích sử dụng<sup>2</sup>: 6757,46m<sup>2</sup></li> <li>Trong đó: + DTSD chính: 3.165,07m<sup>2</sup></li> <li style="padding-left: 20px;">+ DTSD phụ: 3.592,39m<sup>2</sup></li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>43.799m<sup>2</sup></li> <li>- Nguồn gốc thửa đất: Nhà nước giao</li> <li>- Hình thức sử dụng:<br/> <ul style="list-style-type: none"> <li>Riêng: 43.799 m<sup>2</sup></li> <li>Chung: 0m<sup>2</sup></li> </ul> </li> </ul> |
|--|---|

Ngoài ra, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam được Nhà nước giao quản lý sử dụng 01 tòa nhà với tên gọi là tòa nhà trưng bày Văn hóa Đông Nam Á.

Danh mục chi tiết từng ngôi nhà như sau:

| Nội dung<br>Ngôi nhà             | Cấu trúc ngôi nhà |         |              | Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> ) | Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> ) |            |          |
|----------------------------------|-------------------|---------|--------------|--------------------------------------|-------------------------------------|------------|----------|
|                                  | Cấp hạng          | Số tầng | Năm xây dựng |                                      | Tổng số                             | DTSD chính | DTSD phụ |
| Nhà làm việc                     | 2                 | 2       | 1986         | 1.410,00                             | 1.292,44                            | 475,84     | 816,60   |
| Nhà trưng bày                    | 2                 | 3       | 1990         | 6.539,14                             | 4.613,11                            | 2.045,51   | 2.567,60 |
| Nhà phụ I                        | 2                 | 1       | 1994         | 28,34                                | 26,04                               | 18,20      | 7,84     |
| Nhà phụ II                       | 2                 | 1       | 1994         | 134,80                               | 120,72                              | 120,72     | 0        |
| Nhà phụ III                      | 2                 | 1       | 1994         | 189,60                               | 189,60                              | 189,60     | 0        |
| Nhà phụ IV                       | 2                 | 1       | 1995         | 76,71                                | 76,71                               | 44,63      | 32,08    |
| Nhà phụ V                        | 2                 | 1       | 1995         | 105,96                               | 95,54                               | 67,53      | 28,01    |
| Nhà phụ VI                       | 2                 | 1       | 1995         | 105,96                               | 99,00                               | 61,65      | 37,35    |
| Nhà phụ VII                      | 2                 | 1       | 1995         | 244,30                               | 244,30                              | 41,39      | 102,91   |
| Nhà trưng bày văn hoá Đông Nam Á | 2                 | 4       | 2006         | 7.000                                | 7.000                               | 4.550      | 2.550    |

+) Hình thức quản lý sử dụng nhà, đất:

- Diện tích đất giao không thu tiền sử dụng đất: 43.799 m<sup>2</sup>
- Diện tích đất giao có thu tiền sử dụng đất: không m<sup>2</sup>

- Diện tích đất được Nhà nước cho thuê: không m<sup>2</sup>
- Diện tích đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng: không m<sup>2</sup>
- Diện tích đất sử dụng theo hình thức khác: không m<sup>2</sup>

+ ) Hình thức quản lý, sử dụng nhà, tài sản trên đất:

- Diện tích nhà được Nhà nước giao: 15.834,81 m<sup>2</sup>
- Diện tích nhà được thuê của Nhà nước: không m<sup>2</sup>
- Diện tích nhà được thuê của tổ chức cá nhân khác: không m<sup>2</sup>
- Diện tích nhà nhận chuyển nhượng quyền sở hữu bằng nguồn vốn có nguồn gốc NSNN: không m<sup>2</sup>

- Diện tích nhà nhận chuyển nhượng quyền sở hữu bằng nguồn vốn không có nguồn gốc NSNN: không m<sup>2</sup>

- Diện tích nhà do đơn vị đầu tư, xây dựng bằng nguồn vốn có gốc NSNN: không m<sup>2</sup>

- Diện tích nhà được tạo lập bằng hình thức khác: không m<sup>2</sup>

+ ) Giá trị quyền sử dụng đất: 176.947.960.000 đồng, trong đó:

Phần đất được giao không thu tiền sử dụng: không đồng

Phần đất được giao không thu tiền sử dụng: không đồng

Phần diện tích đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng: không đồng

+ ) Nguyên giá nhà, tài sản trên đất: 25.554.570.000 đồng.

## ***1.2 Tài sản, nhà đất đang đưa vào mục đích kinh doanh***

Những công trình mặt bằng đang được cho thuê khai thác cụ thể như sau:

### ***a. Vị trí 1 (Khu Nhà hàng)***

Vị trí 1 nằm trong khuôn viên của Bảo tàng dân tộc học Việt Nam; Cách cổng chính tại đường Nguyễn Văn Huyền khoảng 80m, phía bắc giáp vườn kiến trúc, Phía tây đối diện với Tòa nhà Trống Đồng, Phía đông đối diện với Tòa nhà Đông Nam Á.

Hiện trạng sử dụng:

Tổng số ngôi nhà: 01 ngôi

Tổng số tầng: 01 tầng

Diện tích xây dựng: 600m<sup>2</sup>

Diện tích sàn: 600m<sup>2</sup>

Hiện đang được cho thuê để sử dụng làm nhà hàng, cung cấp dịch vụ ăn uống, giải khát phục vụ hội nghị, hội thảo và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Việc cho thuê được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế, hình thức cho thuê là theo thoả thuận. Hiện nay, hình thức cho thuê theo thoả thuận không còn phù hợp với các quy định về quản lý sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, dẫn đến sử dụng không hết công suất, hiệu quả của tài sản, không khai thác được lợi ích kinh tế tối đa từ việc cho thuê mặt bằng Khu nhà hàng.

*b. Vị trí 2 (Địa điểm cung cấp dịch vụ ăn uống)*

Vị trí 2 nằm trên phần đất mặt đường Nguyễn Văn Huyền, phía nam giáp lối ra công phụ và sân gửi xe cho khách, phía bắc giáp Chung cư D'Palais de Louis - Tân Hoàng Minh, phía tây giáp đường Nguyễn Văn Huyền, phía đông giáp bãi gửi xe dành cho cán bộ, công nhân viên chức của Bảo tàng.

Hiện trạng sử dụng:

Tổng số ngôi nhà: 01 ngôi

Tổng số tầng: 01 tầng

Diện tích xây dựng: 500m<sup>2</sup>

Diện tích sàn: 500m<sup>2</sup>

Hiện đang được cho thuê để sử dụng làm quán giải khát, cung cấp dịch vụ ăn uống, giải khát cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách

đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Việc cho thuê được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế, hình thức cho thuê là theo thoả thuận. Hiện nay, hình thức cho thuê theo thoả thuận không còn phù hợp với các quy định về quản lý sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, dẫn đến sử dụng không hết công suất, hiệu quả của tài sản, không khai thác được lợi ích kinh tế tối đa từ việc cho thuê mặt bằng Địa điểm cung cấp dịch vụ ăn uống tại Vị trí 2.

*c. Vị trí 3 (Địa điểm cung cấp dịch vụ ăn uống)*

Vị trí 3 nằm ở phía công ra vào tòa nhà Đông Nam Á, phía nam giáp đường Nguyễn Khánh Toàn với diện tích là 576 m<sup>2</sup>, phía bắc giáp Toà nhà Đông Nam Á, phía tây giáp bãi cỏ của Bảo tàng, phía Đông giáp khu dân cư.

Hiện trạng sử dụng:

Tổng số ngôi nhà: 01 ngôi

Tổng số tầng: 01 tầng

Diện tích xây dựng: 576m<sup>2</sup>

Diện tích sàn: 576m<sup>2</sup>

Hiện đang được cho thuê sử dụng làm nhà hàng bánh ngọt, cung cấp dịch vụ ăn uống, giải khát cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Việc cho thuê được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế, hình thức cho thuê là theo thoả thuận. Hiện nay, hình thức cho thuê theo thoả thuận không còn phù hợp với các quy định về quản lý sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, dẫn đến sử dụng không hết công suất, hiệu quả của tài sản, không khai thác được lợi ích kinh tế tối đa từ việc cho thuê mặt bằng Địa điểm cung cấp dịch vụ ăn uống tại Vị trí 3.

*d. Vị trí 4 (Điểm đặt quầy bán vé)*

Vị trí 4 nằm tại khu vực sảnh phía bên phải (nhìn từ ngoài vào) bên ngoài cửa ra vào tòa nhà Trống Đồng.

Diện tích: 1,2m<sup>2</sup>

Hiện đang được cho thuê sử dụng để đặt quầy bán vé tham gia các sự kiện về văn hóa, thể thao và du lịch cho khách tham quan. Việc cho thuê được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế, hình thức cho thuê là theo thoả thuận. Hiện nay, hình thức cho thuê theo thoả thuận không còn phù hợp với các quy định về quản lý sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, dẫn đến sử dụng không hết công suất, hiệu quả của tài sản, không khai thác được lợi ích kinh tế tối đa từ việc cho thuê Điểm đặt quầy bán vé tại Vị trí 4.

*e. Vị trí 5 (Quầy bán hàng lưu niệm)*

Vị trí 5 nằm ở vị trí phía bên trái cổng chính (nhìn từ ngoài vào).

Hiện trạng sử dụng:

Tổng số ngôi nhà: 01 ngôi

Tổng số tầng: 01 tầng

Diện tích xây dựng: 105,96 m<sup>2</sup>

Diện tích sàn: 105,96 m<sup>2</sup>

Hiện đang được cho thuê làm gian hàng kinh doanh các sản phẩm về văn hóa cho khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Việc cho thuê được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế, hình thức cho thuê là theo thoả thuận. Hiện nay, hình thức cho thuê theo thoả thuận không còn phù hợp với các quy định về quản lý sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, dẫn đến sử dụng không hết công suất, hiệu quả của tài sản, không khai thác được lợi ích kinh tế tối đa từ việc cho thuê mặt bằng Quầy bán hàng lưu niệm tại Vị trí 5.



*f. Vị trí 6 (Điểm đặt máy ATM)*

Vị trí 6 là diện tích 9m<sup>2</sup> phía ngoài Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, nằm ở mặt đường Nguyễn Văn Huyền.

Hiện trạng sử dụng:

Hiện đang được cho thuê làm nơi đặt máy rút tiền tự động ATM phục vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Việc cho thuê được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế, hình thức cho thuê là theo thoả thuận. Hiện nay, hình thức cho thuê theo thoả thuận không còn phù hợp với các quy định về quản lý sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, dẫn đến sử dụng không hết công suất, hiệu quả của tài sản, không khai thác được lợi ích kinh tế tối đa từ việc cho thuê điểm đặt máy ATM Vị trí 6.

*g. Vị trí 7 (Bãi gửi xe)*

Vị trí 7 là sân trước của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, gần vị trí công ra của Bảo tàng.

Hiện trạng sử dụng:

Diện tích sân bê tông khoảng 200m<sup>2</sup>, hiện được quây bằng hàng rào lắp ghép bằng sắt. Bảo tàng đang cho thuê khai thác cung cấp dịch vụ trông giữ xe phục vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Việc cho thuê được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế, hình thức cho thuê là theo thoả thuận. Hiện nay, hình thức cho thuê theo thoả thuận không còn phù hợp với các quy định về quản lý sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, dẫn đến sử dụng không hết công suất, hiệu quả của tài sản, không khai thác được lợi ích kinh tế tối đa từ việc cho thuê mặt bằng bãi gửi xe tại Vị trí 7.

*h. Vị trí 8 (Khu vực Thuỷ đình)*

Vị trí 8 là khu vực Khu vực Thuỷ đình nằm ở khu trung bày ngoài trời có diện tích 650m<sup>2</sup>.

Hiện trạng sử dụng:

Khu vực Khu vực Thuỷ đình hiện đang được Bảo tàng quản lý và sử dụng cho mục đích tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật múa rối nước, thực hiện các hoạt động văn hoá khác phục vụ khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Tuy nhiên, do hạn chế trong nhân lực và ngân sách hoạt động, việc tổ chức các hoạt động văn hoá, nghệ thuật nêu trên không thường xuyên, chất lượng các sự kiện chưa cao, chưa đạt hiệu quả tốt trong việc thu hút khách du lịch đến thưởng thức.

*i. Vị trí 9 (Vị trí đặt màn hình led)*

Vị trí 9 nằm ở ...

Hiện trạng sử dụng:

Vị trí 9 được chuẩn bị sẵn để xây dựng và lắp đặt một màn hình led với kích thước tổng thể: H14xW10m. Tuy nhiên, do hạn chế trong nhân lực và ngân sách hoạt động, việc lắp đặt màn hình quảng cáo chưa thể thực hiện được.

**1.3 Kết quả của việc sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê trong 03 năm gần nhất**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| <b>Nội dung</b> | <b>2017</b> | <b>2018</b> | <b>2019</b> |
|-----------------|-------------|-------------|-------------|
| Doanh thu       | 3.907       | 4.128       | 3.845       |
| Chi phí         | 2.206       | 1.949       | 2.147       |

|   |       |       |       |
|---|-------|-------|-------|
| Nộp ngân sách nhà nước  | 340   | 436   | 339   |
| Chênh lệch thu/chi  | 1.361 | 1.743 | 1.359 |
| Tỷ trọng trong tổng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị (%)                            | 23%   | 27%   | 24%   |
| Tỷ trọng tiền do ngân sách nhà nước cấp trong tổng số chi hàng năm của đơn vị (%) | 33%   | 29%   | 28%   |

Trong 03 năm 2017, 2018, 2019 các khoản thu từ nguồn cho thuê địa điểm và dịch vụ chiếm từ 23-27% trong tổng số nguồn thu sự nghiệp của đơn vị góp phần quan trọng để duy trì các hoạt động của Bảo tàng. Hàng năm, Bảo tàng sử dụng nguồn thu dịch vụ để chi lương và các khoản đóng góp theo lương cho lao động hợp đồng, chi cho công tác vệ sinh, chăm sóc cỏ cây, chi in ấn tờ rơi, tờ gấp và các khoản chi khác của đơn vị trong điều kiện Ngân sách nhà nước hạn hẹp, tỷ trọng tiền ngân sách Nhà nước cấp trong tổng các khoản chi hàng năm của đơn vị chỉ chiếm từ 28-33%.

## **2. Phương án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê**

### **2.1 Mục đích, thời gian, hình thức sử dụng tài sản công tại đơn vị**

Sự cần thiết của việc hợp tác cho thuê mặt bằng để thực hiện các hoạt động nghiên cứu, trưng bày, trình diễn đáp ứng việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam: *Theo Điểm a Khoản 1 Điều 57 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công*: Khi tài sản được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất thì đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản đó vào mục đích cho thuê cụ thể để thuận tiện cho nhu cầu của cán bộ, công chức viên chức, người lao động trong đơn vị và khách đến liên hệ công tác tại cơ quan. Thông qua việc cho thuê quyền khai thác các vị trí kinh doanh hiện có tại Bảo tàng khi chưa khai thác hết công suất, đơn vị vẫn hoàn thành

tốt các nhiệm vụ chính trị nhà nước giao hàng năm và lại có thêm nguồn thu của Bảo tàng, giảm gánh nặng cho chi Ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, việc cho thuê các vị trí kinh doanh còn giúp:

- Nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng tài sản công của Nhà nước, từng bước thực hiện lộ trình tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, giảm chi phí đầu tư của Nhà nước, tăng tính chủ động trong việc quản lý sử dụng các nguồn lực của Bảo tàng để nâng cao chất lượng phục vụ khách tham quan.

- Nâng cao hiệu quả tài chính và tăng nguồn thu từ cho thuê tài sản của Bảo tàng, đóng góp từ 23% - 27% trong tổng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị;

- Tạo cơ hội để thu hút nguồn lực xã hội hóa đầu tư, sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để phục vụ khách tham quan;

- Thông qua tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác các vị trí kinh doanh thông qua đấu giá còn nhằm ổn định nguồn thu, cân bằng giá cả thuê trên địa bàn, tạo thuận lợi giữa tổ chức cho thuê và người thuê.

- Thời gian thực hiện cho thuê mặt bằng: Tùy từng vị trí cụ thể thời gian cho thuê là khác nhau theo phương án ở mục 2.2 nhưng tối đa không quá 08 năm.

- Hình thức cho thuê: Thông qua đấu giá. Thực hiện thẩm định giá quyền thuê vị trí kinh doanh để làm căn cứ xác định giá cho thuê khởi điểm khi thực hiện đấu giá

Hình thức cho thuê các mặt bằng tại các vị trí để cung cấp các dịch vụ là hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho cán bộ, công chức người lao động và khách đến liên hệ công tác, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, đảm bảo an toàn giao thông, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao (*Theo Khoản 5, Điều 6 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính*) và theo cơ chế giá thị trường được quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ - CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; phương pháp cho thuê là thực hiện đấu giá. Hình thức cho thuê không thành lập pháp nhân mới, các bên sử dụng tài sản của mình để thực hiện cho thuê và tự quản lý, sử

dụng tài sản của mình, tự bảo đảm các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và được chia kết quả từ hoạt động cho thuê theo hợp đồng.

## **2.2 Phương án cụ thể**

### **a. Vị trí 1 (Khu nhà hàng):**

#### **(i) Phương án sử dụng Vị trí 1 (Khu nhà hàng):**

Mục đích: Sử dụng làm nhà hàng, cung cấp dịch vụ ăn uống, giải khát phục vụ hội nghị, hội thảo và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn, chương trình, sự kiện tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

Để tạo nguồn thu nhập ổn định, hợp pháp, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam xây dựng phương án cho thuê khai thác dịch vụ như sau:

- Hình thức: Cho thuê khai thác toàn bộ khu nhà hàng
- Tổng số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: 600m<sup>2</sup>
- Diện tích sàn: 600m<sup>2</sup>
- Đơn giá dự kiến cho thuê: 70 triệu đồng/tháng
- Dự kiến doanh thu cho thuê: 840 triệu đồng/năm
- Thời gian thực hiện cho thuê khai thác: 08 năm
- Hình thức khai thác: Cho thuê thông qua đấu giá

Số tiền thu được từ việc cho thuê quyền khai thác Vị trí 1 sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp Ngân sách nhà nước theo quy định, phần còn lại sẽ được Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Bảo tàng.

#### **(ii) Hiệu quả của phương án cho thuê:**

Việc bố trí sử dụng Khu nhà hàng cung cấp dịch vụ ăn uống, giải khát phục vụ hội nghị, hội thảo và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách

đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn, chương trình, sự kiện văn hóa tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Tăng nguồn thu cho đơn vị, không làm mất quyền sở hữu về tài sản công, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và phát huy được công suất, hiệu quả sử dụng tài sản.

(iii) Dự kiến doanh thu được từ hoạt động cho thuê khai thác dịch vụ: 840 triệu đồng/năm (Tám trăm bốn mươi triệu đồng một năm).

(iv) Các chi phí sửa chữa, duy tu và bảo trì, vận hành tòa nhà do đơn vị thuê bỏ kinh phí thực hiện.

*b. Vị trí 2 (Địa điểm cung cấp dịch vụ ăn uống):*

(i) Phương án sử dụng Vị trí 2 (Địa điểm cung cấp dịch vụ ăn uống):

Mục đích sử dụng: Cung cấp dịch vụ ăn uống (giải khát, phục vụ đồ ăn nhẹ) phục vụ hội nghị, hội thảo và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn, chương trình, sự kiện tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

Để tạo nguồn thu nhập ổn định, hợp pháp, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam xây dựng phương án cho thuê khai thác dịch vụ như sau:

Hình thức: Cho thuê khai thác toàn bộ mặt bằng địa điểm cung cấp dịch vụ ăn uống tại Vị trí 2

- Tổng số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: 500m<sup>2</sup>
- Diện tích sàn: 500m<sup>2</sup>
- Đơn giá dự kiến cho thuê: 65 triệu đồng/tháng
- Dự kiến doanh thu cho thuê: 780 triệu đồng/năm
- Thời gian thực hiện cho thuê khai thác: 08 năm
- Hình thức khai thác: Cho thuê thông qua đấu giá

(ii) Hiệu quả của phương án cho thuê:

Số tiền thu được từ việc cho thuê quyền khai thác Vị trí 2 sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp Ngân sách nhà nước theo quy định, phần còn lại sẽ được Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Bảo tàng.

Việc bố trí sử dụng Vị trí 2 cung cấp dịch vụ ăn uống (giải khát, phục vụ đồ ăn nhẹ) phục vụ hội nghị, hội thảo và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn, chương trình, sự kiện văn hóa tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Tăng nguồn thu cho đơn vị, không làm mất quyền sở hữu về tài sản công, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và phát huy được công suất, hiệu quả sử dụng tài sản.

(iii) Dự kiến doanh thu được từ hoạt động cho thuê khai thác dịch vụ Vị trí 2: 780 triệu đồng/năm (Bảy trăm tám mươi triệu đồng một năm).

(iv) Các chi phí sửa chữa, duy tu và bảo trì, vận hành điểm kinh doanh dịch vụ ăn uống do đơn vị thuê bỏ kinh phí thực hiện.

*c. Vị trí 3 (Địa điểm cung cấp dịch vụ ăn uống):*

(i) Phương án sử dụng Vị trí 3 (Địa điểm cung cấp dịch vụ ăn uống):

Mục đích sử dụng: Cung cấp dịch vụ ăn uống (giải khát, phục vụ đồ ăn nhẹ) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

Đề tạo nguồn thu nhập ổn định, hợp pháp, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam xây dựng phương án cho thuê khai thác dịch vụ như sau:

- Hình thức: Cho thuê khai thác toàn bộ mặt bằng địa điểm cung cấp dịch vụ ăn uống tại Vị trí 3
- Tổng số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: 576 m<sup>2</sup>

- Diện tích sàn: 576 m<sup>2</sup>
- Đơn giá dự kiến cho thuê: 60 triệu đồng/tháng
- Dự kiến doanh thu cho thuê: 720 triệu đồng/năm
- Thời gian thực hiện cho thuê khai thác: 08 năm
- Hình thức khai thác: Cho thuê thông qua đấu giá

Số tiền thu được từ việc cho thuê quyền khai thác Vị trí 3 sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp Ngân sách nhà nước theo quy định, phần còn lại sẽ được Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Bảo tàng.

(ii) Hiệu quả của phương án cho thuê:

Việc bố trí sử dụng Vị trí 3 cung cấp dịch vụ ăn uống (giải khát, phục vụ đồ ăn nhẹ) phục vụ hội nghị, hội thảo và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn, chương trình sự kiện văn hóa tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Tăng nguồn thu cho đơn vị, không làm mất quyền sở hữu về tài sản công, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và phát huy được công suất, hiệu quả sử dụng tài sản.

(iii) Dự kiến doanh thu được từ hoạt động cho thuê khai thác dịch vụ: 720 triệu đồng/năm (Bảy trăm hai mươi triệu đồng một năm).

(iv) Các chi phí sửa chữa, duy tu và bảo trì, vận hành điểm cung cấp dịch vụ ăn uống do đơn vị thuê bỏ kinh phí thực hiện.

*d. Vị trí 4 (Điểm đặt quầy bán vé):*

(i) Phương án sử dụng vị trí 4:

Mục đích sử dụng: Làm quầy bán vé tham gia các sự kiện về văn hóa, nghệ thuật biểu diễn và du lịch cho khách tham quan.

Để tạo nguồn thu nhập ổn định, hợp pháp, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam xây dựng phương án cho thuê khai thác Điểm đặt quầy bán vé như sau:



- Hình thức: Cho thuê khai thác mặt bằng địa điểm quầy bán vé tại Vị trí 4
- Diện tích: 1,2 m<sup>2</sup>
- Đơn giá dự kiến cho thuê: 7 triệu đồng/tháng
- Dự kiến doanh thu cho thuê: 84 triệu đồng/năm
- Thời gian thực hiện cho thuê khai thác: 1 năm - 05 năm
- Hình thức khai thác: Cho thuê thông qua đấu giá

Số tiền thu được từ việc cho thuê quyền khai thác Vị trí 4 sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp Ngân sách nhà nước theo quy định, phần còn lại sẽ được Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Bảo tàng.

(ii) Hiệu quả của phương án cho thuê:

Việc bố trí sử dụng Vị trí 4 Làm quầy bán vé tham gia các sự kiện về văn hóa, nghệ thuật biểu diễn và du lịch cho khách tham quan giúp tận dụng được khoảng diện tích chưa sử dụng nơi tiền sảnh của nhà Trống Đồng. Tăng nguồn thu cho đơn vị, không làm mất quyền sở hữu về tài sản công, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và phát huy được công suất, hiệu quả sử dụng tài sản.

(iii) Dự kiến doanh thu được từ hoạt động cho thuê khai thác Điểm đặt quầy bán vé: 84 triệu đồng/năm (Tám mươi tư triệu đồng một năm).

(iv) Các chi phí sửa chữa, duy tu và bảo trì, vận hành Điểm đặt quầy bán vé do đơn vị thuê bỏ kinh phí thực hiện.

*e. Vị trí 5 (Quầy bán hàng lưu niệm):*

(i) Phương án sử dụng Vị trí 5 (Quầy bán hàng lưu niệm):

Mục đích sử dụng: kinh doanh các sản phẩm về văn hóa cho khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn, chương trình, sự kiện văn hóa, du lịch tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Phát triển các thương hiệu sản phẩm thủ công mỹ nghệ gắn với logo, các công trình kiến trúc

dân gian đặc trưng tại Bảo tàng nhằm mục đích quảng bá giới thiệu đến khách tham quan trong và ngoài nước.

Để tạo nguồn thu nhập ổn định, hợp pháp, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam xây dựng phương án cho thuê khai thác quầy bán hàng lưu niệm như sau:

- Hình thức: Cho thuê khai thác toàn bộ mặt bằng địa điểm quầy bán hàng lưu niệm tại Vị trí 5

- Tổng số tầng: 01 tầng

- Diện tích xây dựng: 105.96 m<sup>2</sup>

- Diện tích sàn: 105.96 m<sup>2</sup>

- Đơn giá dự kiến cho thuê: 70 triệu đồng/tháng

- Dự kiến doanh thu cho thuê: 840 triệu đồng/năm

- Thời gian thực hiện cho thuê khai thác: 08 năm

- Hình thức khai thác: Cho thuê thông qua đấu giá

Số tiền thu được từ việc cho thuê quyền khai thác Vị trí 5 sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp Ngân sách nhà nước theo quy định, phần còn lại sẽ được Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Bảo tàng.

(ii) Hiệu quả của phương án cho thuê:

Việc bố trí sử dụng Vị trí 5 làm quầy bán hàng lưu niệm, kinh doanh các sản phẩm về văn hóa phục vụ khách đến giao dịch, công tác, tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn, các chương trình, sự kiện tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Tăng nguồn thu cho đơn vị, không làm mất quyền sở hữu về tài sản công, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và phát huy được công suất, hiệu quả sử dụng tài sản.

(iii) Dự kiến doanh thu được từ hoạt động cho thuê quầy bán hàng lưu niệm: 840 triệu đồng/năm (Tám trăm bốn mươi triệu đồng một năm).

(iv) Các chi phí sửa chữa, duy tu và bảo trì, vận hành quầy bán hàng lưu niệm do đơn vị cho thuê bỏ kinh phí thực hiện.

*f. Vị trí 6 (Điểm đặt máy ATM):*

(i) Phương án sử dụng Vị trí 6 (Điểm đặt máy ATM):

Mục đích sử dụng: Đặt máy ATM, cung cấp dịch vụ máy rút tiền tự động cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn, các chương trình, sự kiện văn hóa, du lịch tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

Để tạo nguồn thu nhập ổn định, hợp pháp, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam xây dựng phương án cho thuê khai thác điểm đặt máy ATM như sau:

- Hình thức: Cho thuê khai thác Điểm đặt máy ATM tại Vị trí 6
- Diện tích: 09 m<sup>2</sup>
- Đơn giá dự kiến cho thuê: 07 triệu đồng/tháng
- Dự kiến doanh thu cho thuê: 84 triệu đồng/năm
- Thời gian thực hiện cho thuê khai thác: 05 năm
- Hình thức khai thác: Cho thuê thông qua đấu giá

Số tiền thu được từ việc cho thuê quyền khai thác Vị trí 6 sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp Ngân sách nhà nước theo quy định, phần còn lại sẽ được Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Bảo tàng.

(ii) Hiệu quả của phương án cho thuê:

Việc bố trí sử dụng Vị trí 6 làm điểm đặt máy ATM, cung cấp dịch vụ máy rút tiền tự động cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Tăng nguồn thu cho đơn vị, không làm mất quyền sở hữu về tài sản công, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và phát huy được công suất, hiệu quả sử dụng tài sản.

Dự kiến doanh thu được từ hoạt động cho thuê điểm đặt máy ATM tại Vị trí 6: 84 triệu đồng/năm (Tám mươi tư triệu đồng một năm).

(iii) Các chi phí sửa chữa, duy tu và bảo trì, vận hành điểm đặt máy ATM tại Vị trí 6 do đơn vị thuê bỏ kinh phí thực hiện.

g. *Vị trí 7 (Bãi gửi xe):*

(i) Phương án sử dụng Vị trí 7:

Mục đích sử dụng: Cung cấp dịch vụ trông giữ xe phục vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn, các chương trình, sự kiện văn hóa, du lịch tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

Để tạo nguồn thu nhập ổn định, hợp pháp, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam xây dựng phương án cho thuê khai thác bãi gửi xe tại Vị trí 7 như sau:

- Hình thức: Cho thuê khai thác Bãi gửi xe tại Vị trí 7
- Diện tích: 200 m<sup>2</sup>
- Đơn giá dự kiến cho thuê: 3,5 triệu đồng/tháng
- Dự kiến doanh thu cho thuê: 42 triệu đồng/năm
- Thời gian thực hiện cho thuê khai thác: 03 năm - 05 năm
- Hình thức khai thác: Cho thuê thông qua đấu giá

Số tiền thu được từ việc cho thuê quyền khai thác Vị trí 7 sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp Ngân sách nhà nước theo quy định, phần còn lại sẽ được Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Bảo tàng.

(ii) Hiệu quả của phương án cho thuê:

Việc bố trí sử dụng Vị trí 7 làm bãi gửi xe, cung cấp dịch vụ trông giữ xe phục vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn tại Bảo tàng

Dân tộc học Việt Nam. Tăng nguồn thu cho đơn vị, không làm mất quyền sở hữu về tài sản công, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và phát huy được công suất, hiệu quả sử dụng tài sản.

Dự kiến doanh thu từ hoạt động cho thuê khai thác bãi gửi xe tại Vị trí 7: 42 triệu đồng/năm (Bốn mươi hai triệu đồng một năm).

(iii) Các chi phí sửa chữa, duy tu và bảo trì, vận hành bãi gửi xe tại Vị trí 7 do đơn vị cho thuê bỏ kinh phí thực hiện.

*h. Vị trí 8 (Khu vực Thuỷ đình):*

(i) Phương án sử dụng vị trí 8:

Mục đích sử dụng: Làm nơi trình diễn nghệ thuật múa rối nước và các loại hình nghệ thuật dân gian khác phục vụ khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

Để tạo nguồn thu nhập ổn định, hợp pháp, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam xây dựng phương án cho thuê khai thác Khu vực Thuỷ đình tại Vị trí 8 như sau:

- Hình thức: Cho thuê khai thác Khu vực Thuỷ đình tại Vị trí 8
- Diện tích: 650 m<sup>2</sup>
- Đơn giá dự kiến cho thuê: 50 triệu đồng/tháng
- Dự kiến doanh thu cho thuê: 600 triệu đồng/năm
- Thời gian thực hiện cho thuê khai thác: 05 năm
- Hình thức khai thác: Cho thuê thông qua đấu giá

Số tiền thu được từ việc cho thuê quyền khai thác Vị trí 8 sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp Ngân sách nhà nước theo quy định, phần còn lại sẽ được Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Bảo tàng.

(ii) Hiệu quả của phương án cho thuê:

Việc bố trí sử dụng Khu vực Thủy đình tại Vị trí 8 làm nơi trình diễn nghệ thuật múa rối nước và các loại hình nghệ thuật dân gian khác phục vụ khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Tăng nguồn thu cho đơn vị, không làm mất quyền sở hữu về tài sản công, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và phát huy được công suất, hiệu quả sử dụng tài sản.

Dự kiến doanh thu được từ hoạt động cho thuê khai thác Khu vực Thủy đình tại Vị trí 8: 600 triệu đồng/năm (Sáu trăm triệu đồng một năm).

(iii) Các chi phí sửa chữa, duy tu và bảo trì, vận hành Khu vực Thủy đình tại Vị trí 8 do đơn vị cho thuê bỏ kinh phí thực hiện.

*i. Vị trí 9 (Vị trí đặt màn hình led):*

(i) Phương án sử dụng vị trí 9:

Mục đích sử dụng: Bảo tàng có thể cung cấp thông tin cập nhật liên tục, đăng tải thông tin hoạt động, quảng bá hình ảnh Bảo tàng tới công chúng, khách đến giao dịch, công tác, khách tham quan, tham dự các hoạt động trưng bày, trình diễn tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Thông tin trên màn hình led bao gồm:

- Đăng, phát các thông tin tóm tắt về lịch hoạt động hàng ngày của Bảo tàng;
- Đăng, phát ảnh kèm phụ đề giới thiệu hiện vật của Bảo tàng;
- Đăng, phát các video quảng cáo không phát tiếng;
- Đăng, phát các thông tin về văn hóa, du lịch được công chúng quan tâm...

Để tạo nguồn thu nhập ổn định, hợp pháp, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam xây dựng phương án cho thuê khai thác Vị trí đặt màn hình led như sau:

- Hình thức: Cho thuê khai thác Vị trí đặt màn hình led. Đơn vị thuê Vị trí 9 sẽ đầu tư kinh phí lắp đặt màn hình led và dành 30% thời lượng phát quảng cáo hàng ngày để phát những nội dung của Bảo tàng mà không thu phí.

**- Diện tích: ... m<sup>2</sup>**

- Đơn giá dự kiến cho thuê: 15 triệu đồng/tháng

- Dự kiến doanh thu cho thuê: 180 triệu đồng/năm

- Thời gian thực hiện cho thuê khai thác: 05 năm

- Hình thức khai thác: Cho thuê thông qua đấu giá

Số tiền thu được từ việc cho thuê quyền khai thác Vị trí 9 sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp Ngân sách nhà nước theo quy định, phần còn lại sẽ được Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Bảo tàng.

(ii) Hiệu quả của phương án cho thuê:

Việc bố trí sử dụng Vị trí 9 làm nơi đặt màn hình led giúp tạo điểm nhấn nhận diện về điểm tham quan Bảo tàng tại những khoảng không gian bị bỏ trống không phù hợp với kiến trúc tổng thể của một thiết chế, cơ quan văn hóa; Tăng nguồn thu cho đơn vị, không làm mất quyền sở hữu về tài sản công, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và phát huy được công suất, hiệu quả sử dụng tài sản.

Dự kiến doanh thu được từ hoạt động cho thuê khai thác Vị trí 9: 180 triệu đồng/năm (Một trăm tám mươi triệu đồng một năm).

(iii) Các chi phí sửa chữa, duy tu và bảo trì, vận hành màn hình led tại Vị trí 9 do bên thuê bỏ kinh phí thực hiện.

### ***2.3 Các tiêu chí cụ thể***

- Không ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao quy định tại *Điểm b Khoản 2 Điều 55 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công*.

- Sử dụng tài sản đúng mục đích được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị quy định tại *Điểm d Khoản 2 Điều 55 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công*: Sử dụng đúng công năng của tài sản khi được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép chuyên đổi công năng sử dụng của tài sản; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, bao gồm cả các hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Không làm mất quyền sở hữu về tài sản công; bảo toàn và phát triển vốn, tài sản Nhà nước giao;

- Phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản;
- Nhà nước không cấp kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa đối với tài sản công chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;
- Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn thu được từ việc kinh doanh, cho thuê để bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo quy định;
- Thực hiện theo cơ chế thị trường và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;
- Tiêu chí lựa chọn đối tác để cho thuê: (*Theo Khoản 3 Điểm b Điều 57 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công*);

a. Sau khi có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, đơn vị sự nghiệp công lập thông báo công khai về việc lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết trên trang thông tin của đơn vị (nếu có), Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, địa phương, trang thông tin điện tử về tài sản công của Bộ Tài chính. Thông báo công khai về việc lựa chọn đối tác gồm các nội dung chủ yếu sau:

- + Thông tin của đơn vị có tài sản cho thuê;
- + Tài sản dự kiến cho thuê;
- + Phương án cho thuê;
- + Tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện cho thuê theo quy định tại *Điểm c* khoản này;
- + Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký.

b. Đơn vị có tài sản căn cứ hồ sơ đăng ký tham gia cho thuê của các tổ chức, cá nhân và tiêu chí quy định tại *Điểm c* Khoản này để lựa chọn đối tác tham gia cho thuê và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn của mình.

c. Tiêu chí lựa chọn đối tác tham gia cho thuê bao gồm:

- Năng lực, kinh nghiệm của đối tác trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động cho thuê;



- Hiệu quả của phương án tài chính;
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết của đối tác bảo đảm cho việc cho thuê;
- Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn cho thuê;
- Các tiêu chí khác phù hợp với mục đích cho thuê, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị do đơn vị có tài sản công quyết định.

## ***2.4 Phương án tài chính***

a. Thời gian thực hiện cho thuê: Quý II/2020.

b. Phương thức sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê: Thực hiện theo phương thức đấu giá.

c. Phương thức tài chính của việc cho thuê:

Hàng năm, doanh thu từ hoạt động cho thuê địa điểm Bảo tàng hạch toán vào nguồn thu dịch vụ (sự nghiệp) của đơn vị và được sử dụng như sau:

+ Chi trả các khoản chi hợp lý, hợp lệ trước thuế chiếm khoảng 47 - 49 % trên doanh thu. Các khoản chi trên bao gồm chi lương và các khoản đóng góp theo lương cho lao động hợp đồng khoảng 38%-40%, chi cho công tác vệ sinh khu ngoài trời, chăm sóc cây cỏ trong khuôn viên Bảo tàng khoảng 44% - 46%. Ngoài ra hàng năm Bảo tàng còn phải chi trả các khoản chi in ấn tờ rơi, tờ gấp và các khoản chi khác như chi văn phòng phẩm, điện, nước, công cụ dụng cụ ... Riêng năm 2020, Bảo tàng phải chi trả tiền thuê đơn vị thẩm định giá, đấu giá khoảng 100 triệu đồng.

+ Nộp thuế: Thuế Giá trị gia tăng đầu ra (10% sau khi khấu trừ thuế đầu vào), thuế Thu nhập doanh nghiệp (20% tính trên phần chênh lệch thu chi).

+ Trích quỹ: Sau khi trang trải các khoản chi hợp lý, hợp lệ và nộp thuế, phần kinh phí còn lại Bảo tàng thực hiện trích lập 70% vào Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp để tái đầu tư cho các hoạt động của đơn vị và chi mua sắm tài sản, tăng cường cơ sở vật chất trong khuôn viên gần 5ha của Bảo tàng, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng các ngôi nhà kiến trúc dân gian khu Trưng bày ngoài trời nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách tham quan, trích 10% vào Quỹ ổn định thu nhập để chi bổ sung thu

nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm và 20% vào Quỹ Phúc lợi để chi cho việc thăm hỏi, ốm đau, tiền thưởng dịp lễ, tết, nghỉ mát, tiền ăn trưa ... và các chế độ phúc lợi khác cho cán bộ.

- e. Dự kiến doanh thu, chi phí, thuế nộp ngân sách Nhà nước, chênh lệch thu, chi, tỷ trọng nguồn thu từ việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê trong tổng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị, cụ thể theo 03 phụ lục chi tiết kèm theo.

## **2. Hiệu quả đề án**

### ***3.1 Hiệu quả cụ thể***

Việc xây dựng và triển khai thực hiện, hoàn thành đề án sẽ góp phần nâng cao chất lượng phục vụ công chúng của Bảo tàng, đáp ứng tốt nhu cầu cơ bản về cơ sở vật chất, tăng nguồn thu cho đơn vị và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, không làm mất quyền sở hữu về tài sản công; bảo toàn và phát triển vốn, tài sản Nhà nước giao, phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị và phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản. Đồng thời, việc triển khai đề án sẽ góp phần tạo môi trường làm việc, nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày... chuyên nghiệp và từng bước đáp ứng được nhu cầu về cơ sở vật chất tối thiểu trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế.

### ***3.2 Hiệu quả xã hội***

Xuất phát từ thực tế yêu cầu khai thác mặt bằng để đáp ứng nhu cầu của cán bộ, công chức người lao động tại các trụ sở làm việc, trên tinh thần phục vụ tạo mọi điều kiện tốt nhất cho công tác nghiên cứu, tránh lãng phí nguồn lực có sẵn mà không ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn, đồng thời một phần tiến tới tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập đặc biệt là các đơn vị nghiên cứu về khoa học xã hội, nhân

văn, việc triển khai cho thuê mặt bằng tại các vị trí chưa khai thác hết công năng để tăng nguồn thu sự nghiệp là rất cần thiết dựa trên cơ sở:

+ Khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng tài sản công một cách có hiệu quả.

+ Tăng cường triển khai Nghị định 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Đáp ứng nhu cầu thiết thực của cán bộ, công chức người lao động một cách chủ động, đảm bảo an ninh trật tự.

Có thể nói, việc xây dựng và triển khai thực hiện, hoàn thành đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam góp phần không nhỏ trong việc tạo nguồn thu, giúp tái đầu tư, nâng cao chất lượng về cơ sở hạ tầng cũng như hoạt động chuyên môn của Bảo tàng. Đồng thời, đề án này đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách tham quan đến với Bảo tàng nói riêng và quyền được hưởng thụ văn hóa của công chúng nói chung.

#### **4. Tổ chức thực hiện đề án**

Thời gian tới, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam sẽ tiếp tục triển khai nhiều giải pháp nhằm quản lý chặt chẽ, khai thác có hiệu quả nguồn lực tài sản công phục vụ hoạt động của Bảo tàng nói riêng và phục vụ phát triển đất nước nói chung. Để hoàn thành nhiệm vụ được giao, cần chú trọng một số nhiệm vụ sau:

*Một là*, tập trung hoàn thành việc xây dựng sửa đổi Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo tiến độ, chất lượng của dự án, trong đó, đảm bảo tất cả các loại tài sản công đều được quản lý chặt chẽ, hiệu quả bằng pháp luật; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các Luật có liên quan.

*Hai là*, tăng cường công tác quản lý nhà, đất thuộc sở hữu của Bảo tàng Dân tộc học Việt nam. Tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các đề án trong việc quản lý, sử dụng tài sản công...

*Ba là*, tiếp tục hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công, hoàn thiện, nâng cấp cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước, bảo đảm từng bước cơ sở dữ liệu có đầy đủ thông tin về tài sản công. Tiếp tục triển khai việc cập nhật các thông tin về tài sản công, xây dựng phương án ứng dụng công nghệ thông tin trong mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung, cập nhật dữ liệu về việc sử dụng tài sản tại các đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết...

Các giải pháp thực hiện đề án:

- Phối hợp với các đơn vị thuộc và trực thuộc Viện Hàn lâm rà soát, tổng hợp và đánh giá hiệu quả quản lý sử dụng các tài sản công trong đơn vị, trong đó chú trọng phân tích đánh giá các cơ sở nhà, đất.

- Tổ chức hoạt động đấu giá quyền khai thác các mặt bằng, diện tích kinh doanh tại Bảo tàng theo đúng quy định pháp luật. Đối với việc xác định giá khởi điểm, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam sẽ thuê một đơn vị, tổ chức có đủ chức năng và điều kiện hoạt động thẩm định giá để thẩm định giá làm căn cứ quyết định giá khởi điểm đối với từng tài sản.

Phân công trách nhiệm thực hiện đề án:

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thành lập, xây dựng và tổ chức triển khai đề án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phòng Hành chính - Tổ chức, Bộ phận Tài chính Kế toán cùng các phòng ban trực thuộc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam phối hợp xây dựng đề cương, đề xuất các nội dung cụ thể của đề án.

- Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam trình Lãnh đạo Viện Hàn lâm thẩm định, phê duyệt.

- Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện và giám sát các nội dung của đề án đã được phê duyệt.

- Tiến độ thực hiện đề án: Đề án được xây dựng và thực hiện trong vòng Quý II/2020.

Nội dung đề án được thực hiện trong 08 năm kể từ thời điểm đấu giá thành công. (*Dự kiến từ năm 2020 đến năm 2028*).

Trong trường hợp có sự thay đổi văn bản của Nhà nước khi thực hiện đề án hai bên có thể đàm phán lại các điều khoản của hợp đồng sao cho đảm bảo tốt nhất quyền lợi hợp pháp của các bên và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Kinh phí thực hiện đề án: Lấy từ nguồn Thu sự nghiệp của đơn vị.

Các chi phí khác được tính vào chi phí cho thuê các tài sản công theo nội dung cụ thể của đề án.

### **III. KIẾN NGHỊ & KẾT LUẬN**

#### **1. Một số đề xuất, kiến nghị**

Đề tập trung khai thác có hiệu quả, đồng thời quản lý chặt chẽ tài sản công, trong thời gian tới cần chú trọng một số nội dung sau:

*Thứ nhất*, việc ban hành các tiêu chuẩn, định mức tài sản chuyên dùng của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam cần đẩy nhanh hơn nữa tiến độ thực hiện và có biện pháp quản lý, giám sát chặt chẽ để sử dụng quản lý tài sản công đúng mục đích, hiệu quả, đồng thời phòng tránh các biểu hiện tiêu cực, tránh thất thoát tài sản nhà nước.

*Thứ hai*, thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu về tài sản công trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công trong các đơn vị sự nghiệp công lập để bảo đảm hệ thống dữ liệu đáp ứng yêu cầu quản lý theo quy định tại Điều 15 của Quy chế Quản lý và sử dụng tài sản công tại Việt Nam lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản công tại đơn vị và tình hình sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

*Thứ ba*, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam cần ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công phải phù hợp, khoa học, chặt chẽ, tuân thủ nguyên tắc phân quyền, bất kiêm nhiệm, quy trách nhiệm rõ ràng cho từng cá nhân, bộ phận tham gia quy trình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản.

*Thứ tư*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; Thực hiện công tác công khai tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

*Thứ năm*, Viện Hàn lâm cần tiến hành ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng để các đơn vị thuộc, trực thuộc có cơ sở để xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các đề án.

## **2. Kết luận**

Trên cơ sở các đề xuất và phân tích nêu trên, nhằm phát huy tối đa công suất và hiệu quả sử dụng tài sản Nhà nước, bảo đảm gia tăng thời gian, cường độ khai thác, sử dụng tài sản; trên cơ sở vừa đảm bảo vận hành xuyên suốt công năng của các vị trí, mặt bằng trong khuôn viên Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, vừa thực hiện nhiệm vụ chính trị phục vụ cán bộ công nhân viên trong đơn vị, vừa phục vụ nhu cầu của công chúng, đồng thời mang lại tính hiệu quả, góp phần bổ sung nguồn kinh phí trong việc tiến tới tự chủ một phần của khối các cơ quan nghiên cứu, đây là một chủ trương đúng của Đảng và Nhà nước. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam báo cáo Viện Hàn lâm và kính đề nghị Viện Hàn lâm quan tâm xem xét, thẩm định và phê duyệt Đề án, để đơn vị sớm triển khai theo đúng quy định hiện hành.

**Giám đốc**



**Đặng Xuân Thanh**